

## Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 3 năm 2018

| Chỉ tiêu                                                                        | ĐVT                    | Tháng 3 năm 2018 | Lũy kế 3 tháng năm 2018 | Tháng 3 năm 2018 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-) | Lũy kế 3 năm 2018 tháng so với cùng kỳ năm trước (%),(+,-) |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)</b>                                     | %                      | <b>130,68</b>    | <b>120,41</b>           | <b>30,68</b>                                        | <b>20,41</b>                                               |
| - Khai khoáng                                                                   | "                      | 221,61           | 158,33                  | 121,61                                              | 58,33                                                      |
| - CN chế biến, chế tạo                                                          | "                      | 98,93            | 117,58                  | -1,07                                               | 17,58                                                      |
| - Sản xuất và phân phối điện                                                    | "                      | 115,11           | 113,06                  | 15,11                                               | 13,06                                                      |
| - Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải                                        | "                      | 97,11            | 92,57                   | -2,89                                               | -7,43                                                      |
| <b>2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa</b>                                              | <b>Tỷ đồng</b>         | <b>541,92</b>    | <b>1.771,43</b>         | <b>13,14</b>                                        | <b>16,91</b>                                               |
| <b>3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành</b>                   | "                      | <b>142,94</b>    | <b>379,86</b>           | <b>10,03</b>                                        | <b>12,24</b>                                               |
| <b>4. Số lượt khách du lịch</b>                                                 | <b>Ngàn lượt khách</b> | <b>97.000</b>    | <b>270.424</b>          | <b>32,80</b>                                        | <b>22,10</b>                                               |
| - Khách nội địa - Ngàn lượt khách                                               | "                      | 79.150           | 210.474                 | 19,00                                               | 16,70                                                      |
| - Khách quốc tế - Ngàn lượt khách                                               | "                      | 17.850           | 59.950                  | 172,8                                               | 45,79                                                      |
| <b>5. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>                  | <b>Tỷ đồng</b>         | <b>42,38</b>     | <b>134,82</b>           | <b>12,43</b>                                        | <b>15,16</b>                                               |
| <b>6. Khối lượng hàng hóa vận chuyển</b>                                        | <b>1.000 Tấn</b>       | <b>171,29</b>    | <b>563,3</b>            | <b>11,81</b>                                        | <b>14,76</b>                                               |
| <b>7. Khối lượng hàng hóa luân chuyển</b>                                       | <b>1.000/ Km</b>       | <b>7.307,0</b>   | <b>23.260,2</b>         | <b>12,80</b>                                        | <b>14,62</b>                                               |
| <b>8. Số lượt hành khách vận chuyển</b>                                         | <b>1.000 HK</b>        | <b>196,5</b>     | <b>602,7</b>            | <b>9,04</b>                                         | <b>12,11</b>                                               |
| <b>9. Số lượt hành khách luân chuyển</b>                                        | <b>1.000 HK/ Km</b>    | <b>28.795,8</b>  | <b>87.706,3</b>         | <b>8,75</b>                                         | <b>11,12</b>                                               |
| <b>10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2018 so với cùng kỳ năm trước</b> | %                      | <b>100,59</b>    | x                       | <b>0,59</b>                                         | x                                                          |
| <b>11. CPI tháng 3/2018 so tháng 2/2018</b>                                     | "                      | <b>99,89</b>     | x                       | <b>-0,11</b>                                        | x                                                          |
| <b>12. CPI tháng 3/2018 so với tháng 12 năm trước</b>                           | "                      | <b>100,97</b>    | x                       | <b>0,97</b>                                         | x                                                          |
| <b>13. CPI tháng 3/2018 so với kỳ gốc 2014</b>                                  | "                      | <b>103,02</b>    | x                       | <b>3,02</b>                                         | x                                                          |
| <b>14. Chỉ số giá vàng tháng 3/2018 so tháng 2/2018</b>                         | "                      | <b>99,87</b>     | x                       | <b>-0,13</b>                                        | x                                                          |
| <b>15. Chỉ số giá Đôla Mỹ tháng 3/2018 so tháng 2/2018</b>                      | "                      | <b>100,20</b>    | x                       | <b>0,20</b>                                         | x                                                          |